

Luật Ngôn ngữ nhìn dưới góc độ dạy tiếng

Lê Khắc Cường

Tóm tắt—Trong khi dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, người dạy thường đối diện với nhiều thách thức của học viên nước ngoài liên quan đến tiếng Việt. Bên cạnh những câu hỏi không dễ trả lời vì sự phức tạp về mặt khoa học, còn có khá nhiều câu hỏi khó trả lời không kém do sự thiếu vắng các quy định mà lẽ ra không thể thiếu đối với một ngôn ngữ quốc gia có trên 90 triệu người nói như tiếng Việt.

Có lẽ vì thế mà vài năm trở lại đây, những vấn đề vĩ mô như Luật Ngôn ngữ, lập pháp ngôn ngữ và vị mô như chính tả (y/i, quy định viết hoa, vị trí của dấu thanh trong âm tiết, ...), bản chữ cái tiếng Việt (thêm hay không thêm các con chữ f, j, w, z), cải tiến chữ Quốc ngữ, ... đã được dư luận quan tâm. Bài viết này chỉ xin nêu một số bất cập trong việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài một khi thiếu các quy định chặt chẽ.

Từ khóa—chữ Quốc ngữ, Luật ngôn ngữ, lập pháp ngôn ngữ, văn tự quốc gia, tiếng Việt, chính tả tiếng Việt, phiên âm, y hay i, hoá hay hóa.

Những câu hỏi của học viên quốc tế khi học tiếng Việt có thể khái quát thành bốn vấn đề chính như sau:

1 VĂN TỰ QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM LÀ GÌ?

Ngoài các sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào năm 1945 (như Sắc lệnh 19 ngày 08/9/1945, Sắc lệnh 20 ngày 08/9/1945 về việc bắt buộc học chữ Quốc ngữ,...) thì đến nay mới chỉ có Điều thứ 18 trong Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là có quy định nhắc đến cụm từ “chữ Quốc ngữ”: “Người ứng cử phải là người có quyền bầu cử, phải ít ra là 21 tuổi, và phải biết đọc, biết viết **chữ quốc ngữ**”. Năm 1991, Luật Phổ cập Giáo dục Tiểu học (ngày 06/8/1991) quy định: “Giáo dục Tiểu học được thực hiện bằng **tiếng Việt**. Các dân tộc thiểu số có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục tiểu học”. Bảy năm sau, Luật Giáo dục Tiểu học ngày

10/12/1998 khẳng định: “**Tiếng Việt** là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường”. Ở cả hai văn bản, chữ Quốc ngữ không được nhắc đến một cách chính danh.

Điều 5 Khoản 3 Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi) có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 cũng như thế, không có dòng nào về chữ Quốc ngữ: “*Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt*”. Luật Phổ cập Giáo dục Tiểu học ban hành ngày 6 tháng 8 năm 1991, viết: “*Các dân tộc thiểu số có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục tiểu học*”. Tiếng nói, chữ viết của các tộc người thiểu số thì phân biệt rõ tiếng nói/chữ viết, còn đối với ngôn ngữ đa số thì chỉ ghi “tiếng Việt” chung chung

Khi nói về chữ viết, nhiều lần chữ Quốc ngữ được thay bằng cụm từ “chữ phổ thông”, “chữ viết phổ thông”, nhất là trong các văn bản liên quan đến ngôn ngữ các tộc người thiểu số. Chẳng hạn Quyết định của Phủ Thủ tướng số 153-CP ngày 20 tháng 8 năm 1969 ghi: “*Để việc dạy và học chữ dân tộc và chữ phổ thông được dễ dàng, nhanh chóng, thuận tiện cho cả đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào người Kinh muốn học chữ dân tộc, cần xây dựng mới hoặc cải tiến chữ viết dân tộc theo bộ vẫn gửi với bộ vẫn chữ viết phổ thông*”. Quyết định 153-CP của Chính phủ về chủ trương đối với chữ viết của các tộc người thiểu số ban hành năm 1980 có đoạn: “*Tiếng nói và chữ viết của mỗi dân tộc thiểu số ở Việt Nam vừa là vốn quý của các dân tộc đó, vừa là tài sản văn hoá chung của cả nước. Ở các vùng dân tộc thiểu số, tiếng và chữ dân tộc được dùng đồng thời với tiếng và chữ phổ thông. Cùng với chữ phổ thông, chữ dân tộc tham gia vào nhiều mặt hoạt động ở vùng đồng bào các tộc người thiểu số, nhất là trong việc giữ gìn và phát triển vốn văn hoá của các dân tộc.*” [1], [3]

Không biết có phải vì vẫn còn ngần ngại với lịch sử ra đời chữ Quốc ngữ Latin vì nó gắn chặt với một thời kì đầy những biến động khi châu Âu bắt đầu nhòm ngó các nước châu Á, châu Phi, châu Mĩ – trong đó có Việt Nam, hay không mà cho đến nay Quốc hội, Chính phủ vẫn chưa xác định văn tự quốc gia, chưa nêu rõ vai trò của chữ Quốc ngữ. Có vẻ đây là một sự “ngó lơ” hơi thiếu công bằng nếu

Ngày nhận bản thảo: 10-4-2017; Ngày chấp nhận đăng: 16-4-2017; Ngày đăng: 31-12-2017

Lê Khắc Cường - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM
(email:cuonglekhac@hcmussh.edu.vn)

không nói là bất nhân, vì từ khi manh nha vào thế kỉ XVII đến nay, chữ Quốc ngữ đã đảm nhận rất tốt vai trò xã hội của nó. Đặc biệt là từ lúc nước nhà giành được độc lập vào năm 1945 đến nay, chữ Quốc ngữ đã thật sự là một ngôn ngữ Quốc gia và thể hiện rất tốt vai trò đó trên tất cả các lĩnh vực hành chính, giáo dục, ngoại giao, chính trị, kinh tế,... Trong các văn bản pháp quy của nhiều nước trên thế giới, nhất là văn bản luật cao nhất là Hiến Pháp, hầu hết đều khẳng định văn tự quốc gia của họ và có nhiều hoạt động nhằm tôn vinh nó. Không nói đâu xa, hàng năm Hàn Quốc đều tổ chức trọng thể **Ngày chữ Hàn** ở cả trong và ngoài nước nhằm kỉ niệm sự ra đời của chữ Hangeul (năm 1446). Sự chậm trễ trong việc công nhận chữ Quốc ngữ là văn tự Quốc gia không chỉ thiếu công bằng với những đóng góp của nó cho sự phát triển đất nước từ năm 1945 đến nay mà còn gây cản trở cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, trong đó có giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. Tóm lại là cần sớm luật hoá văn tự quốc gia.

2 TÊN GỌI KÍ TỰ GHI ÂM VỊ VÀ ÂM CỦA ÂM VỊ

Thời thuộc Pháp, người học đọc tên các kí tự (con chữ) trong bảng chữ cái tiếng Việt theo tiếng Pháp; đó là 29 kí tự theo trật tự sau đây:

1) *a* (a); 2) *á* (ã); 3) *ô* (â); 4) *bê* (b); 5) *xê* (c); 6) *dê* (d); 7) *đê* (đ); 8) *e* (e); 9) *ê* (ê); 10) *giê* (g); 11) *hát* (h); 12) *i* (i); 13) *ca* (k); 14) *en-lờ* (l); 15) *em-mờ* (m); 16) *en-nờ /anh-nờ* (n); 17) *o* (o); 18) *ô* (ô); 19) *ơ* (ơ); 20) *pê* (p); 21) *cu/quy* (q); 22) *e-rờ* (r); 23) *ét-xì* (s); 24) *tê* (t); 25) *u* (u); 26) *ư* (ư); 27) *vê* (v); 28) *ích-xì* (x); 29) *i-gờ-rếch/i-cờ-rếch* (y).

Cách đọc *a*, *bờ*, *cờ* có thể xuất hiện từ phong trào “Bình dân học vụ” được Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phát động vào ngày 8/9/1945 (theo Sắc lệnh 19/SL và 20/SL) ngay sau khi nước ta giành được độc lập. Có người cho rằng Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là cha đẻ của cách đọc đó. Hồi bấy giờ đầu làng cuối ngõ đâu đâu cũng nghe trẻ con và cả người lớn tuổi ê a: “*i tờ, tờ i ti*”; “*i, tờ có móc cả hai; i ngắn có chấm, tờ dài có ngang; e, ê, lơ (l) cũng một loài; ê đội nón chóp, lơ dài thân hơn; o tròn như quả trứng gà; ô thì đội mũ, o thò thêm râu*”.

Để đánh vần, ghép vần, người ta đọc âm, thay vì chữ. Chẳng hạn, từ “cá” đánh vần là “**cờ a ca hời cả**” thì dễ dàng và hợp lí hơn hẳn so với “**xê a ca hời cả**” (vì lẽ ra phải đọc là “**xê a xa hời cả**”). Đây là cách lựa chọn theo nguyên tắc sự phạm thay vì nguyên tắc ngữ âm học, âm vị học thuần tuý. Lâu

dần, người ta có xu hướng lấy âm của âm vị để gọi con chữ thể hiện âm vị đó, thay cho cách gọi cũ theo tiếng Pháp. Chẳng hạn: “bờ” để gọi con chữ **b** thay cho “bê” vì phụ âm /b/ được đọc là “bờ”; “cờ” để gọi con chữ **c** thay cho “xê” vì phụ âm /k/ được đọc là “cờ”. Cũng lưu ý là sự thay đổi này chỉ tác động đến các âm vị phụ âm mà thôi, còn nguyên âm thì không thay đổi cách đọc/gọi tên.

Như vậy việc cần làm là phải xác định rõ: tên con chữ phụ âm và âm của phụ âm đó. Có cần tách riêng hay lấy luôn âm để gọi tên con chữ? (Tất nhiên trừ trường hợp phụ âm /k/ đã nêu ở trên, chỉ một âm “cờ” nhưng có 3 con chữ). Cũng cần quy định cách đọc: đọc tên con chữ hay đọc âm của nó, nhất là khi viết tắt. Đặc biệt là đối với phụ âm /g/. Trước đây, phụ âm này vẫn được gọi là chữ “giê”. Từ năm 1979 trở đi, sách Tiếng Việt 1 cải cách giáo dục đổi tên của nó thành “gờ”. Như vậy âm và tên gọi của phụ âm này trùng nhau (đều là “gờ”). Ngân hàng ACB thì đọc là “**ngân hàng a xê bê**” chứ không ai đọc là “**ngân hàng a cờ bờ**”; ATM đọc là: “**a tê em-mờ**” chứ không ai đọc là “**a tờ mờ**”. Nhưng G7, 3G thì lại tồn tại hai cách đọc “**gờ bầy**”, “**ba gờ**” (phía Bắc) và “**giê bầy**”, “**ba giê**” (phía Nam)! Điều lạ là trên truyền hình không nghe ai đọc là “**gờ đê pê**” (GDP) cả mà vẫn “**giê đê pê**”! Một số trường hợp pha trộn cả âm và tên con chữ khi đọc. Đội bóng đá FLC Thanh Hoá được người dân phía Nam đọc là “**ép-phờ en-lờ xê Thanh Hoá**”, còn phía Bắc thì hầu hết đọc là “**ép lơ xê Thanh Hoá**”, trong đó “lờ” là đọc theo âm, trong khi “xê” là đọc tên con chữ theo kiểu của tiếng Pháp. Một kiểu “tân cổ giao duyên”!

Tóm lại, do không có quy định về chuyện này, và nhất là trong sách giáo khoa tiếng Việt lớp 1 chỉ ghi cách đọc theo âm nên trong thực tế người ta muốn đọc sao thì đọc. Đặc biệt là trên truyền hình, phát thanh, người dẫn chương trình, biên tập viên, phóng viên đọc hết sức thoải mái rồi xã hội nói theo, bắt chước theo. Chưa kể, hiện nay nhiều người còn đọc con chữ theo cách của tiếng Anh như “**đáp-bô iu ti âu**” thay vì “**vê kép/vê đúp tê ô**” (WTO) như thói quen trước đây càng làm tình hình rối hơn! Nhất thiết phải quy định rõ về âm của âm vị và tên con chữ ghi của âm vị đó, cũng như quy định khi nào thì đọc theo âm, khi nào thì đọc tên con chữ. Chúng tôi đề nghị, ngay trong sách giáo khoa lớp 1, cần chỉ rõ tên con chữ (có thể lấy tên có từ thời Pháp thuộc vì nhiều người đã quen) và âm của các con chữ đó. Phải *đọc tên con chữ* khi học bảng chữ cái (a, bê, xê, dê, đê,...) và khi đọc cụm từ viết tắt (như Ngân hàng ACB: đọc là “**Ngân hàng a xê**”

bê”; GDP: đọc là “**giê đê pê**”,...). Riêng việc ghép vần, đánh vần cũng như khi gọi tên âm vị/âm tố (trong ngữ âm học) thì *đọc theo âm* (như: gà: đọc là “gờ a ga huyền gà/a gờ a ga huyền gà”, bên: “**bờ ên bên/ê nờ ên – bờ ên bên**”; /g/: âm vị “**gờ**”; [b]: âm tố “**bờ**”),...[6]

3 CHÍNH TẢ

Hướng đến chuẩn chính tả là xu hướng chung của mọi hệ thống chữ viết và là tiêu chuẩn để đạt được so với chuẩn phát âm. Hiện nay chính tả tiếng Việt có một số trường hợp chưa thống nhất như sau:

3.1 *I hay y*

Việc cân nhắc i/y đã có từ thời kì phôi thai của chữ Quốc ngữ vì ta bắt gặp không ít những trường hợp i/y được dùng lẫn với nhau. Trong phụ trương in ở cuối *Từ điển Annam – Lusitan – Latinh* (Dictionarivm Annamiticvm Lvsitanvm, et Latinvm ope, thường gọi là *Từ điển Việt – Bồ – La*), A. de Rhodes giải thích: “*Trong phương ngữ An Nam, chúng tôi chỉ dùng chữ i như là nguyên âm, vậy cần đặc biệt lưu ý người Bồ Đào rằng, ở đầu từ, nhất là ở giữa từ, khi chúng tôi dùng không phân biệt i, hay cũng y thì i phải đọc theo lối Ý chứ không đọc theo lối Bồ Đào, đối với y cũng hoàn toàn như vậy, vì thế các kiểu viết sau đều giá trị hoàn toàn như nhau: yeo và ieo, thuiên và thuyên; cuyen và cuien, và cũng như vậy với các chữ khác*”. Trong trường hợp i, y ở cuối từ (tức bán nguyên âm đậm nhận chức năng âm cuối /-j/), tác giả có cân nhắc hơn. Một số trường hợp nhầm lẫn i/y ở vị trí cuối từ đều được đánh chính như “bày” (cột 19, dòng 10) được tác giả đánh chính là “bài”; “thải” (cột 322, dòng 1) được đánh chính là “thầy”, ...

Có hai trường hợp mà i/y được quy định thống nhất/hầu như thống nhất về chính tả:

i) Khi nguyên âm /i/ phân bố sau âm đệm /w/ thì phải viết y: Ví dụ: *tuy, thúy, huý, chuy, chuyên, khuya,...* (trừ *qui, quì, quĩ, quí, quị* có khi cũng được dùng luân phiên với *quy, quỳ, quỹ, quý, quỵ*, nhưng theo chúng tôi, cách viết *ui* dễ thể hiện âm /wi/ (bán nguyên âm /w/ phân bố trước nguyên âm /i/) trong những trường hợp trên là sai chính tả, dù không ảnh hưởng gì đến phát âm);

ii) Khi i/y đậm nhận chức năng âm cuối. Nếu nó phân bố sau nguyên âm dài thì viết i, phân bố sau nguyên âm ngắn thì viết y; chẳng hạn: *tai /taj/ - tay /tāj/; coi /kɔj/ - cây /kɔj/*.

Những trường hợp khác viết không thống nhất, tùy thích, tùy thói quen của mỗi người.

Năm 1980, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam và Bộ Giáo dục ban hành quy định về chính tả trong sách cái cách giáo dục. Theo nguyên tắc này thì hầu hết các trường hợp nguyên âm i đậm nhận chức năng là âm chính của âm tiết thì đều được viết là i; trừ các trường hợp sau được viết là y:

i) Khi nguyên âm i phân bố sau âm đệm /-w-/ như *khuy, tuy, uy,...* nhằm mục đích khu biệt hai vần *uy - ui*;

ii) Khi mà trên chữ viết âm tiết bắt đầu bằng nguyên âm (không có phụ âm đầu) như: *y tá, ý kiến, yén, yén,...* (trừ các từ thuần Việt hoặc được nhiều người tri nhận như từ thuần Việt đã quen viết là i, như *âm ĩ, ĩ, lợn ĩ, í ới, im, in, inh ới,...*).

Dù đã có quy định, nhưng từ đó đến chỉ có Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam là tuân thủ, phần còn lại của xã hội vẫn thích gì viết nấy, thậm chí lúc viết thế này, lúc viết thế kia ngay trong một văn bản.

Chuyện tranh cãi về tính khoa học hay tính thẩm mỹ của con chữ - được nêu ra nhiều lần tại các cuộc hội thảo về vấn đề cải tiến chữ Quốc ngữ, mà mới đây nhất là Hội thảo do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Trường Đại học Sài Gòn và báo Thanh Niên tổ chức vào cuối năm 2013 tại Thành phố Hồ Chí Minh (xem tài liệu 5) - theo tôi là không nên đặt ra nữa. Và nên thống nhất như quy định của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam và Bộ Giáo dục vì bao nhiêu thế hệ học sinh đã viết như thế (từ năm 1980 đến nay và sẽ còn tiếp tục vì hiện nay sách giáo khoa và các ấn phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vẫn kiên trì theo đuổi). Thay đổi một lần nữa càng khiến tình hình phức tạp thêm. Nếu cần thì chỉ xem xét thêm về tên riêng có dính đến i/y mà thôi. Chẳng hạn hồ sơ cá nhân như lí lịch tư pháp, bằng cấp, chứng minh nhân dân, hộ khẩu, ... trước đây ghi là *Nguyễn Sĩ Mỹ*, bây giờ nếu phải đổi thành *Nguyễn Sĩ Mĩ* thì phải giải quyết ra sao; những tên riêng như *Lý Thái Tổ* có nên chuyển thành *Lí Thái Tổ* hay không?... Thiết nghĩ những chuyện như vậy không quá khó để giải quyết.

3.2 *Viết hoa*

Chuyện viết hoa cũng là câu chuyện dài của chính tả tiếng Việt. Chỉ tính từ thập niên 80 của thế kỉ XX trở lại đây thôi thì cũng đã có kha khá các quy định viết hoa của nhiều cơ quan:

- *Quy định về chính tả tiếng Việt và về thuật ngữ tiếng Việt* ban hành kèm theo Quyết định số 240/QĐ ngày 5 tháng 3 năm 1980 của Bộ Giáo dục; trong đó tên tổ chức, cơ quan “chỉ viết hoa chữ cái đầu của âm tiết đầu trong tổ hợp từ đứng làm tên; vì

dụ: Đảng cộng sản Việt Nam; Trường đại học bách khoa Hà Nội”.

- *Quy định tạm thời về viết hoa trong văn bản của Chính phủ và Văn phòng Chính phủ* ban hành theo Quyết định số 09/1998/QĐ-VPCP của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

- *Quy định tạm thời về viết hoa tên riêng trong sách giáo khoa* ban hành theo Quyết định số 07/2003/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (phần Viết hoa trong văn bản hành chính).

Báo chí cũng vào cuộc... quy định. Tôi có trong tay quy định của ba tờ báo Sài Gòn Giải Phóng, Tuổi Trẻ và Thanh Niên về chính tả, trong đó có quy tắc viết hoa! Khó hình dung việc chính tả lại do báo chí quy định, và mỗi tờ báo lại quy định khác nhau. Sở dĩ nảy sinh chuyện nực cười như thế vì thiếu một văn bản quy phạm pháp luật về chính tả. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiều cơ quan, ban, ngành có trách nhiệm khác ở đâu mà không đứng ra giải quyết dứt điểm chuyện này mà phải để mỗi đơn vị ra quy định riêng cho mình? Tôi đề nghị nên chọn *Quy định tạm thời về viết hoa tên riêng trong sách giáo khoa* ban hành theo Quyết định số 07/2003/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì như đã nói, do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã sử dụng quy định này để biên soạn/biên tập các ấn phẩm cho nhiều thế hệ học sinh, nên việc thay đổi là không nên [4], [5]

3.3 “Hóa” hay “hoá”, “họa” hay “hoạ”?

Quy tắc đặt dấu thanh trong những âm tiết có âm đệm hoặc/và âm cuối là bán nguyên âm /-j/ cũng là chuyện lùm xùm kể từ năm 1980, sau các quy định của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam và Bộ Giáo dục. Có thể khái quát quy tắc đặt/bỏ dấu thanh trong âm tiết tiếng Việt như sau:

i) Đối với âm tiết có âm chính là nguyên âm đơn: thanh điệu được đặt trên (đối với các thanh huyền, ngã, hỏi, sắc) hoặc dưới (thanh nặng) nguyên âm làm âm chính của âm tiết; ví dụ: *hoà, quỳ, toàn, hoán, loạng choạng*;

ii) Đối với âm tiết có âm chính là nguyên âm đôi: có hai trường hợp:

- Trong âm tiết mở (tức âm tiết kết thúc bằng nguyên âm) thì dấu thanh được đặt trên/dưới yếu tố đầu tiên của nguyên âm đôi; ví dụ: *chĩa, bừa, của, lúa, lựa*;

- Trong âm tiết khép (tức âm tiết kết thúc bằng phụ âm hoặc bán nguyên âm): thanh điệu được đặt trên/dưới yếu tố thứ hai của nguyên âm đôi; ví dụ: *nguyên, cường, tuổi, chuộng*,... Hiện nay sách do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, tạp chí Ngôn ngữ và một số tạp chí khoa học khác viết theo quy định mới. Phần còn lại của xã hội viết theo kiểu cũ, nghĩa là dấu thanh trong một số trường hợp vẫn đặt trên/dưới âm đệm vì cho rằng như thế sẽ đẹp và cân đối hơn. Đặc biệt là khi từ chỉ gồm ba hoặc bốn con chữ, trong đó con chữ thứ hai ghi âm đệm¹ như: *hòa, hỏa, họa; húy, húy; tùy, tủy, tụy; thúy, thùy, thúy; trùy, trụy; chùy*;...². Hiện Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên) ghi nhận cả hai cách viết.

Theo tôi, do nhiều thế hệ học sinh Việt Nam đã viết theo quy tắc này từ những năm 80 của thế kỷ XX, vì vậy nên dựa theo quy định của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và Bộ Giáo dục.

3.4 Tại sao bảng chữ cái tiếng Việt không có các con chữ *f, j, w, z* nhưng tra từ điển tiếng Việt thì lại có các từ đầu mục bắt đầu bằng các con chữ này?

Cách đây vài năm trên báo chí đã rộ lên một cuộc tranh luận về vấn đề này. Hiện có hai quan điểm:

i) Không nên đưa những con chữ đó vào bảng chữ cái vì những từ bắt đầu bằng một trong các kí tự *f, j, w, z* đều là từ ngoại lai phiên âm hoặc để nguyên dạng chữ không phải là tiếng Việt; ví dụ: *Fahrenheit; fécmotuya; jacket, jambông; watt, wushu; zero, ziczac* (theo Từ điển tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Hồng Đức, 2016).

ii) Nên đưa các con chữ đó vào bảng chữ cái tiếng Việt vì trong thời đại toàn cầu hoá và hội nhập hiện nay, nhiều thuật ngữ và cả những từ ngữ không phải là thuật ngữ khoa học vẫn được người Việt sử dụng trong cuộc sống. Cạnh đó, nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam có tên quốc tế để tiện giao dịch (chẳng hạn: Vietnam Football Federation – VFF: Liên đoàn Bóng đá Việt Nam; Foreign Trade University – FTU: Đại học Ngoại thương; ...). Việc đọc tên viết tắt của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó theo cách đọc của tiếng

¹ Không kể trường hợp âm đầu /k-/ được ghi bằng con chữ *q* thì hiện đã thống nhất viết là *quy, quỳ, quỳ, quỳ, quỳ*. Hầu như rất hiếm người còn viết theo kiểu sau: *quỳ, quỳ, quỳ, quỳ, quỳ*.

² Điều lạ là các nhà nghiên cứu theo xu hướng “chuộng cái đẹp” cả quyết rằng phải viết *hòa, hỏa, họa; húy, húy; tùy, tủy, tụy, thúy; thùy, thúy; trùy, trụy; chùy* mới đẹp, mới cân đối, nhưng lại không có ý kiến gì và chấp nhận hầu hết các trường hợp như *thoải, thoải, thoải, thoải* với dấu thanh đặt trên/dưới nguyên âm làm âm chính chứ không phải trên/dưới âm đệm, dù rằng nếu đặt trên âm đệm thì cân đối hơn hẳn (thử so sánh tính cân đối giữa *thoải, thoải, thoải, thoải* với cách viết bên trên).

Anh không phải dễ đối với những người không biết tiếng Anh. Do vậy họ cần phải biết cách gọi tên những phụ âm đó theo cách của người Việt như các con chữ khác trong hệ thống chữ cái Latin/Roman. “Đóng cửa” hệ thống chữ cái là không nên. Nhưng đưa vào từ điển (thực tế là hiện nay nhiều từ điển đã đưa các kí tự này vào, mà Từ điển Hoàng Phê là một ví dụ) mà không dạy cho học sinh biết tên của những con chữ này (do không có trong bảng chữ cái) là trái với tinh thần sư phạm. Quan điểm này chắc sẽ được nhiều người chia sẻ. Câu hỏi của các học viên nước ngoài về các con chữ *f, j, w, z* cho thấy việc đưa chúng vào bảng chữ cái tiếng Việt là cần thiết.

3.4 Phiên âm quá rắc rối!

Đó là nhận định của nhiều học viên đối với việc phiên âm trong tiếng Việt. Nhiều ngôn ngữ cũng phiên âm, phiên chuyển tiếng nước ngoài, nhưng đúng là phiên âm trong tiếng Việt phức tạp. Khi phiên âm, có người thì viết có dấu nối để phân định các âm tiết, có người không (như: Mat-xcơ-va – Matxcova; Lê-nin-gơ-rat – Leningorat – Leningrat; ...); có người chỉ dùng các con chữ có trong bảng chữ cái tiếng Việt, có người sử dụng cả các con chữ *f, j, w, z* (như: phoocmôn – foocmôn; giun – jun (joule);...). Chưa kể hàng loạt khác biệt nữa về mặt chính tả của cách phiên âm này so với cách phiên âm khác của cùng một từ.

Hiện nay câu hỏi “có nên phiên âm hay không?” có thể không còn quá khó trả lời như trước nữa vì chúng ta đều nhận thấy những bất hợp lí của việc phiên âm và hệ lụy của nó. Chẳng hạn *watt* được phiên âm là *oát*, nhưng đơn vị đo công suất thì vẫn cứ phải kí hiệu là *W* theo thông lệ quốc tế (chứ không thể là *O*)! *Giun* phiên âm từ *joule*, nhưng đơn vị đo công vẫn phải là *J* (thay vì *G* hay *Gi*)!

Trong thời buổi toàn cầu hoá, hàng ngày hàng giờ trên báo chí, mạng xã hội xuất hiện hàng loạt nhân danh, địa danh, thuật ngữ khoa học... bằng tiếng nước ngoài thì việc phiên âm có thể nói là bất khả. Nhiều ngôn ngữ ngay người viết cũng không biết đọc thế nào cho chính xác, do vậy khoa mà đòi hỏi một cách phiên âm chính xác, nhất quán. Việc mỗi người tự phiên âm theo phát âm mà mình cho là đúng khiến tên của Tổng thống Hoa Kỳ Ronald Reagan có đến 21 cách ghi khác nhau trên báo chí tiếng Việt từ Nam chí Bắc theo thống kê của một độc giả tạp chí Kiến Thức Ngày Nay (*Rô-nan Rê-gân, Rônan Rêgân, Rô-nô Ri-gân, Rô-nô Rigân, Rônan Rigân, Rô-nan Ri-gân,...*) là một ví dụ về sự bất tiện của phiên âm.

Theo tôi, trừ một số trường hợp phiên âm trực tiếp như Matxcova, Cu-ba, ... hoặc phiên theo âm Hán Việt như Thái Lan, Thượng Hải,... vốn đã quen thuộc, các trường hợp còn lại không phiên âm cần mà viết nguyên dạng hoặc chuyển tự (nếu chữ viết của ngôn ngữ đó không thuộc hệ chữ Latin/Roman). *Quy định tạm thời về quy tắc phiên thuật ngữ nước ngoài ra tiếng Việt* của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1968) hay *Quy định phiên chuyển địa danh quốc tế sang tiếng Việt phục vụ công tác lập bản đồ* ban hành theo Quyết định số 223/QĐ-BTNMT, ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường là những ví dụ tốt để xây dựng một quy tắc chung [2].

Tóm lại, việc phiên âm đã được làm từ lâu, đến nay đã trở thành nếp trong suy nghĩ của nhiều người đến mức làm thay đổi cả cách phát âm của một bộ phận cư dân. Chẳng hạn một số người ở các tỉnh phía Bắc thường có thói quen tách các tổ hợp phụ âm trong tiếng nước ngoài thành hai âm tiết giống như cách làm khi phiên âm. Do vậy họ thường nói là “xe đờ-rim” (Dream); “niu-i-oóc” (New York); “cờ-líp” (clip),... Thói quen đó có thể xem như là phát âm phương ngữ và không cản trở việc giao tiếp nên không có vấn đề gì. Nhưng chính tả lại là chuyện khác. Theo chúng tôi, vấn đề khó khăn nhất hiện nay của việc phiên âm chính là trường hợp các thuật ngữ khoa học. Gần 80 năm qua, chúng ta đã “lỡ” phiên âm các thuật ngữ khoa học và đưa vào sách giáo khoa. Tuy giáo dục Việt Nam đã cải cách đi, cải cách lại nhiều phen rồi, nhưng những *oát*, những *giun*, những *ba-dơ*, những *ôm*, ... vẫn tồn tại trong sách giáo khoa! Theo tôi, dù rất khó, và tốn kém, nhưng vẫn nên điều chỉnh theo hướng viết nguyên dạng để giúp cho học sinh, sinh viên dễ dàng trong tra cứu tài liệu nước ngoài chứ không nên phiên âm như hiện nay. Quả là khó khăn cho học sinh, sinh viên chúng ta khi trong sách giáo khoa ghi *oát, giun, ba-dơ, ôm,...* trong khi từ nguyên có ngữ dạng khác khá xa: *watt, joule, base, ohm,...* Và như đã nói ở trên, *watt* được phiên âm *oát*, nhưng đơn vị đo công suất thì vẫn cứ phải kí hiệu là *W* theo thông lệ quốc tế và phải đọc là “**vê kếp**” hay “**vê đúp**” chứ không thể là *o*; *Giun* phiên âm từ *joule*, nhưng đơn vị đo công vẫn là *J* và phải đọc là “**ji**” chứ không thể là *g* hay *gi*. Sự bất nhất này trái với tinh thần khoa học mà chúng ta vẫn đòi hỏi ở học sinh, sinh viên. Nhiều sinh viên đại học đã bỏ ngay cách phiên âm các thuật ngữ ấy để chuyển sang cách viết nguyên dạng khi bước vào công trường đại học. Rất nhiều chuyên khảo, giáo trình, giáo án bậc đại học, sau đại học cũng đang

theo xu hướng này. Đây là một thực tế khiến chúng ta phải suy nghĩ. Việc giữ các hình thức phiên âm các thuật ngữ khoa học trong sách giáo khoa bậc trung học là không nên, chỉ làm rối thêm tình hình chứ không hề tạo nên sự nhất quán, cũng như không hề làm trong sáng thêm tiếng Việt.

4 KẾT LUẬN

Những chuyện mà chúng tôi nêu trong bài báo này đúng là không lớn. Do vậy nhiều người lạc quan cho rằng dần dần xã hội sẽ tự điều chỉnh để đi đến thống nhất. Không nhất thiết phải ban hành các văn bản mang tính pháp lý, ràng buộc làm gì, e là vi phạm tính chất dân chủ của ngôn ngữ, vi phạm quyền lựa chọn của người bản ngữ. Thực tế cho thấy suy nghĩ đó không thật sát với sự phát triển và diễn biến của tiếng Việt trong thời gian qua. Sự khác biệt không những không giảm bớt mà càng có xu hướng gia tăng ở các phương ngữ địa lí và phương ngữ xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến sự thống nhất của ngôn ngữ toàn dân. Hơn lúc nào hết, cần phải nghĩ đến việc lập pháp ngôn ngữ.

Năm 1980, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp với các đơn vị như Viện Khoa học Giáo dục, Bộ Giáo dục tổ chức hội thảo, tọa đàm về vấn đề chuẩn hoá tiếng Việt. Hai Hội đồng đã được thành lập gồm *Hội đồng chuẩn hoá chính tả* do Giáo sư Phạm Huy Thông làm chủ tịch và *Hội đồng chuẩn hoá thuật ngữ* do Giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn làm chủ tịch [3], [5]. Tiếc là những quyết nghị, quyết định của hai hội đồng này chỉ được thực hiện trong một thời gian rồi sau đó dần dần rơi vào quên lãng, hoài phí bao nhiêu công sức, thời gian của các nhà khoa học, tiền bạc của xã hội!

Để tránh tình trạng không thống nhất, mỗi nơi làm một kiểu, mỗi người viết một cách như hiện

nay, việc xây dựng Luật Ngôn ngữ hay một văn bản quy phạm pháp luật về tiếng Việt và những vấn đề có liên quan là hết sức cần thiết và cấp bách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thiện Giáp. Chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam qua các thời kì lịch sử. <http://ngonngu.net/index.php?m=print&p=172>
- [2] Nguyễn Văn Khang. Về bản dự thảo Quy định cách viết, cách đọc tên riêng nước ngoài trong các văn bản quản lí nhà nước. <http://ngonngu.net/?p=275>
- [3] Nguyễn Văn Khang (2014). Chính sách ngôn ngữ và lập pháp ngôn ngữ ở Việt Nam. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- [4] Nguyễn Minh Thuyết (2014). Từ chính tả tiếng Việt đến văn bản quy phạm pháp luật về ngôn ngữ và chữ viết, trong Những vấn đề chính tả tiếng Việt hiện nay. Nxb. Văn hoá văn nghệ. TPHCM.
- [5] Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Hữu Chương (2014). Những vấn đề chính tả tiếng Việt hiện nay. Nxb. Văn hoá Văn nghệ. TPHCM.
- [6] Việt Nam học và tiếng Việt – các hướng tiếp cận (2011). Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.

Lê Khắc Cường sinh năm 1960. Ông tốt nghiệp Cử nhân Ngôn ngữ học, Trường ĐHTT Tổng hợp TPHCM năm 1986; đạt học vị Tiến sĩ Ngôn ngữ học (ĐHKHXH&NV - ĐHQG-HCM) năm 2000; được phong hàm Phó giáo sư năm 2011 Ông giảng dạy tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM từ 1989 nay và đã kinh qua nhiều chức vụ. Hiện nay ông là Trưởng khoa Việt Nam học.

Các nghiên cứu chính của ông tập trung vào những lĩnh vực như Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu, Ngữ âm học và Âm vị học, Ngôn ngữ các tộc người thiểu số.

Languages law in view of teaching Vietnamese as a foreign language

Le Khắc Cường

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM, Viet Nam

Corresponding author: cuonglekhac@hcmussh.edu.vn

Received: 10-4-2017; Accepted: 16-4-2017; Published: 31-12-2017

Abstract—While teaching Vietnamese as a foreign language, teachers often face many questions of foreign students about Vietnamese. In addition, these questions are not easy to answer because of the complexity in terms of science. Many other questions are difficult to answer because of the absence of

regulations in terms of Language Law in Vietnam. A few years ago, the issue of language law and language legislation has been raised. This paper mentioned only the difficulties in teaching Vietnamese to foreigners due to lack of strict regulations.

Index Terms—Vietnamese script, language law, language legislation, Vietnamese, Vietnamese spelling, phonetic transcription, “y” or “i”, “hoá” or “hóa”.